

Số: 451/QĐ-CDGTVT TTW V

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng
của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy trường Cao đẳng Giao thông Vận tải II nay là trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

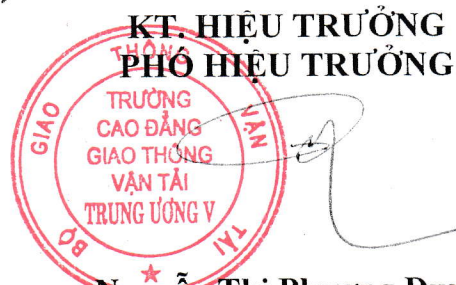
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 3. Lãnh đạo Trường, Trưởng các đơn vị trong trường, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /x

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Phương Dung

QUY ĐỊNH

QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 451 /QĐ-CDGTVT TW V
ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng GTVT TW V)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy của Trường; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh và các Ban giúp việc; xử lý thông tin phản ánh vi phạm quy chế và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh.

2. Quy chế này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 2. Ngành, nghề tuyển sinh (theo Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 99/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2018 của Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

Số TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6510102	Cao đẳng
2	Xây dựng cầu - đường bộ	6580205	Cao đẳng
		5580205	Trung cấp
3	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
		5510216	Trung cấp
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	6510104	Cao đẳng
6	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
		5340302	Trung cấp
7	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng
8	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	Trung cấp
9	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ	6340117	Cao đẳng
10	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	6510606	Cao đẳng
		5510606	Trung cấp
11	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	Cao đẳng
12	Dịch vụ pháp lý	6380201	Cao đẳng
		5380201	Trung cấp

Số TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo
13	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
14	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	6510105	Cao đẳng
15	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	6510902	Cao đẳng
16	Logistic	6340141	Cao đẳng
17	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	6510110	Cao đẳng
		5510110	Trung cấp
18	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	Cao đẳng
19	Kinh doanh thương mại	6340101	Cao đẳng
20	Quản lý xây dựng	6580301	Cao đẳng
21	Xây dựng công trình thủy	6510109	Cao đẳng
22	Quản lý kho hàng	5340133	Trung cấp
23	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas	6340125	Cao đẳng
24	Bảo hộ lao động	6850203	Cao đẳng
25	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Trung cấp
26	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	Trung cấp
27	Lập trình/Phân tích hệ thống (CNTT)	5480212	Trung cấp
28	Kế toán xây dựng	5340309	Trung cấp
29	Kinh doanh vận tải đường bộ	5340110	Trung cấp
30	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp
31	Hàn	5520123	Trung cấp
32	Vận hành máy thi công nền	5520183	Trung cấp
33	Trắc địa công trình	5510910	Trung cấp

Điều 3. Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh được thực hiện liên tục trong năm.
2. Đối tượng tuyển sinh:
 - a) Đối với trình độ trung cấp: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở (viết tắt là THCS) hoặc tương đương trở lên;
 - b) Đối với trình độ cao đẳng:

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (viết tắt là THPT) hoặc tương đương trở lên;

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao đẳng phải học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp.

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; quân nhân, công an nhân dân tại ngũ; người nước ngoài, nếu có đủ điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển học trình độ trung cấp, cao đẳng:

- Bảo đảm các điều kiện được quy định tại Điểm a và b Khoản 2 điều này;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nếu dùng ngân sách nhà nước đi học) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng ý;

- Quân nhân và công an nhân dân tại ngũ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng ý; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau;

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học trung cấp, cao đẳng tại Việt Nam: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập ở THCS, THPT hoặc tương đương trở lên của thí sinh (bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng) và kết quả kiểm tra tiếng Việt trước khi quyết định tuyển thí sinh vào học.

3. Hình thức tuyển sinh: Trường tổ chức xét tuyển.

4. Kế hoạch tuyển sinh:

a) Trình độ trung cấp thực hiện tuyển sinh liên tục trong năm.

b) Trình độ cao đẳng thực hiện tuyển sinh liên tục trong năm

Điều 4. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi

ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

- + Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
- + Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;
- + Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

- + Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;
- + Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- + Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- + Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

- + Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
- + Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT/THCS hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định hiện hành.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm) đối với thang điểm 10.

Điều 5. Thủ tục và hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này;

b) Bản sao công chứng các giấy tờ sau:

- Đối với trình độ trung cấp: Bằng tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2019 chỉ cần bản sao công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời).

- Đối với trình độ cao đẳng:

+ Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2019 chỉ cần bản sao công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời);

+ Hoặc bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy tờ thể hiện đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa THPT theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) 01 bì thư dán sẵn tem ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh (để Trường gửi thông báo nhập học).

d) Lệ phí xét tuyển 30.000 đồng.

2. Các hình thức đăng ký dự tuyển

a) Đăng ký trực tiếp trên Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển trực tiếp tại trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V hoặc tại trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương;

b) Đăng ký trực tuyến (online) trên website của Trường tại địa chỉ: <http://caodanggtvtw5.edu.vn> hoặc trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có địa chỉ tại:

<http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương;

c) Đăng ký trực tuyến (online) qua phần mềm “Chọn nghề” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại smartphone, máy tính bảng).

3. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp: Nộp trực tiếp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này hoặc đăng ký trực tuyến theo quy định tại Điểm b và c Khoản 2 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp theo yêu cầu của trình độ đăng ký dự tuyển: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về phòng Đào tạo trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V.

Điều 6. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh về Trường ĐKDT trong thời gian quy định của Trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại Trường ĐKDT khi có yêu cầu.

2. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu ĐKDT. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong phiếu ĐKDT với hồ sơ gốc.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế tuyển sinh để HĐTS xử lý kịp thời.

Điều 7. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (viết tắt là HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS của trường gồm:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng;
- b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Đào tạo;
- d) Các ủy viên: Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS:

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định;
- d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện phần mềm tuyển sinh thống nhất của Trường; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;
- b) Báo cáo với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác tuyển sinh của trường;
- c) Thành lập Ban Thư ký giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 8. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên: Cán bộ phòng Đào tạo, các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS Trường:

- a) Tổ chức nhận hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển;
- b) Nhập và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phần mềm tuyển sinh của Trường;
- c) Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh;
- d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- e) In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển;
- g) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 11 của Quy định này;
- h) Được quyền đề xuất với Hiệu trưởng, chủ tịch HĐTS để thay đổi các nội dung trong quy chế tuyển sinh của trường bằng phương thức xét tuyển cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm tuyển sinh;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 9. Xác định tiêu chuẩn trúng tuyển

1. Điều kiện trúng tuyển

- Đối với trình độ cao đẳng:

- + Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương được xét trúng tuyển;
- + Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa THPT theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét trúng tuyển;
- Đối với trình độ trung cấp: Thí sinh đã tốt nghiệp THCS trở lên hoặc tương đương được xét trúng tuyển.

Tiêu chuẩn trúng tuyển được áp dụng chung cho tất cả các ngành, nghề.

2. Trong trường hợp số thí sinh của đợt xét tuyển vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, HĐTS sẽ căn cứ theo kết quả thi tốt nghiệp cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và lấy theo tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

Tiêu chuẩn tuyển chọn ở tất cả các đợt tuyển sinh của Trường không nhất thiết phải bằng nhau và do Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS.

3. Đối với những ngành, nghề không tuyển đủ chỉ tiêu, sau khi đã xác định tiêu chuẩn tuyển chọn ở mức cho phép theo yêu cầu đào tạo của Trường mà vẫn còn thiếu số lượng, Nhà trường sẽ lấy thí sinh dự tuyển vào Trường nhưng không trúng tuyển vào những ngành, nghề khác, đồng thời đạt yêu cầu và tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định của ngành, nghề còn thiếu số lượng và tự nguyện vào học ngành, nghề đó. Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn tuyển chọn lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn tuyển chọn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

4. Căn cứ các phương án xác định tiêu chuẩn tuyển chọn của Ban Thư ký HĐTS đề xuất, trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS, Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển sao cho số thí sinh trúng tuyển nhập học không được vượt quá 10% so với chỉ tiêu đã được xác định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Tiêu chuẩn trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 10. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban Thư ký trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Trong giấy triệu tập có ghi rõ những hồ sơ, giấy tờ cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trước khi vào học chính thức, học sinh, sinh viên phải qua kỳ kiểm tra sức khỏe toàn diện do Trường tổ chức và theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Giấy chứng nhận sức khỏe do Hội đồng khám sức khỏe của trường cấp được bổ sung vào hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên.

3. Thí sinh trúng tuyển vào Trường phải nộp những giấy tờ sau đây:

a) Trình độ cao đẳng: bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và giấy tờ thể hiện đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bản sao công chứng học bạ THPT (bổ túc THPT).

Trình độ trung cấp: bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THCS, học bạ THCS (hoặc học bạ THPT).

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2019. Những người nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải nộp bản sao công chứng bằng tốt nghiệp;

c) Bản sao công chứng giấy khai sinh, hộ khẩu thường trú;

d) Bản sao công chứng các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

đ) Giấy triệu tập trúng tuyển.

Các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, c, d và đ của Khoản này được Trường dùng để quản lý và kiểm tra, đối chiếu với bản chính khi cần thiết.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày so với ngày yêu cầu có mặt ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển thì Trường có quyền từ chối không tiếp nhận. Nếu đến chậm trong những trường hợp bất khả kháng như: do ốm, đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học khóa học kế tiếp sau.

5. Những thí sinh trúng tuyển, nếu địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 11. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ tuyển sinh, trường tiến hành kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả số thí sinh đã trúng tuyển vào trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh đến nhập học, Trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

Trong quá trình học sinh, sinh viên đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo Trường thực hiện thanh, kiểm tra

Điều 12. Chế độ báo cáo

Trường thực hiện báo cáo gửi Bộ Giao thông vận tải, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về kế hoạch tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường; một năm báo cáo 4 lần chia theo 4 quý/năm và trước ngày 25 của tháng cuối quý và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 13. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh; kết quả, hồ sơ tuyển sinh của Trường được bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của Luật lưu trữ.

Điều 14. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

- a) Hội đồng tuyển sinh của Trường;
- b) Thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 15. Khen thưởng

1. Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS trường khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Quỹ khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 16. Xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm

Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ áp dụng quy định tại Luật viên chức và Luật cán bộ, công chức; các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế

Đối với những thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế đều phải lập biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ bị xử lý kỷ luật theo các quy định tại quy chế này, đồng thời tùy theo mức độ vi phạm, có thể bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tùy theo mức độ vi phạm, Hiệu trưởng quyết định xử lý kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, tước quyền vào học v.v.v theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của Trường và không trái với các quy định hiện hành.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.
2. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này về nội dung Quy định quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V.
3. Lãnh đạo Trường, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị trong Trường, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định này. /

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Dung